

## CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP HỒ CHÍ MINH

PHAN THỊ TỐ OANH, LÊ THỊ THƯỜNG, MAI THANH HÙNG, PHAN THANH HUYỀN,  
ĐẶNG TRUNG KIÊN

*Khoa Thương mại- Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh  
phanthitooanh@iuh.edu.vn*

**Tóm tắt.** Kỹ năng tự học quyết định kết quả học tập của sinh viên và giúp sinh viên có nhiều cơ hội chọn được việc làm, vị trí thích hợp với khả năng, hứng thú của mình. Kỹ năng tự học chịu sự chi phối bởi nhiều yếu tố khách quan, chủ quan. Dựa trên các phương pháp quan sát, trò chuyện, khảo sát trực tiếp khách thể nghiên cứu và xử lý dữ liệu nhằm xác định mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của sinh viên ngành Thương mại điện tử, Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy yếu tố có ảnh hưởng rất nhiều đến phát triển kỹ năng tự học của sinh viên là cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, bản thân sinh viên, giảng viên và văn hóa nhà trường. Kết quả này là cơ sở đề xuất một số biện pháp phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên ngành Thương mại điện tử góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0.

**Từ khóa:** Sinh viên, kỹ năng tự học, các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học, thương mại điện tử, khoa Thương mại & Du lịch, trường Đại Học Công Nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

### FACTORS AFFECTING E-COMMERCE STUDENTS ' SELF- STUDY SKILLS AT INDUSTRIAL UNIVERSITY OF HO CHI MINH CITY

**Abstract.** Self-study skills determine students' learning outcomes and help students attain more opportunities to choose not only jobs but also working positions suitable to their abilities and interests. Self-study skills are influenced by many factors. Based on both qualitative research methods carried out through group discussion techniques and quantitative research methods carried out through direct survey, data collected are processed to determine the impact of factors affecting self-study skills of students in e-commerce major at Industrial University of Ho Chi Minh City. The results revealed that the factors affecting mostly to the development of students' self-study skills were facilities, training program, students themselves, academic staff, and culture of the university. The research results will be the basis for proposing some measures to develop self-study skills for students in e-commerce undergraduate program with the aim of improving the training quality of IUH in the era of the Industrial Revolution 4.0.

**Keywords:** Students, Self-study skills, factors affecting self-study skills, E-commerce, Faculty of Commerce & Tourism, Industrial University of Ho Chi Minh City.

#### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển của kỹ năng tự học đóng vai trò quyết định chất lượng nghề nghiệp cũng như nhân cách mỗi sinh viên. Tổ chức hoạt động dạy học hướng tới coi trọng sự phát triển kỹ năng tự học hiệu quả, đúng xu thế là trách nhiệm không chỉ của sinh viên mà còn nhiệm vụ chủ yếu của giảng viên, là sứ mạng của các trường đại học trong thời kỳ công nghiệp 4.0 hiện nay.

Theo Đặng Thành Hưng (2012): Tự học là chiến lược học tập cá nhân độc lập, không phụ thuộc trực tiếp vào người dạy hay học chế nhất định, do người học tự mình quyết định và tự nguyện tiến hành học tập kể từ mục đích, nội dung, cách thức, phương tiện, môi trường và điều kiện học tập cho đến kế hoạch và nguồn lực học tập. Đinh Thị Hoa và cộng sự (2019) cho rằng: Kỹ năng tự học là khả năng thực hiện thành thực và có kết quả các thao tác, hành động tự học trên cơ sở vận dụng những tri thức tích lũy được về hoạt động và kỹ năng tự học; là biết cách tổ chức công việc, hoạt động tự học một cách khoa học, hợp lý, tiết kiệm thời gian và có chất lượng.

Kỹ năng tự học là yếu tố quyết định chất lượng học tập, chất lượng đào tạo. Nó là con đường tối ưu để sớm đưa sự nghiệp giáo dục và nền kinh tế nước ta tiến kịp các nước trong khu vực và trên thế giới. Thực tế

giảng dạy cho thấy dù giảng viên có dạy giỏi, có kiến thức sâu rộng và trình độ nghiệp vụ vững vàng đến mấy, nếu sinh viên (SV) không chịu khó học tập, đào sâu nghiên cứu, mở rộng thêm kiến thức bằng cách học tập độc lập thì chất lượng học tập cũng không thể cao. Trong điều kiện học tập ở nhà trường như nhau, cùng chung xu hướng xã hội nhưng kết quả học tập của sinh viên khác nhau rõ rệt, điều đó phần lớn là do kỹ năng tự học của mỗi sinh viên.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra (từ năm 2000) dựa trên các ngành công nghệ vật lý, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, với trọng tâm là công nghệ số sử dụng internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), phân tích dữ liệu lớn (SMAC). Cuộc cách mạng này đang làm thay đổi mọi mặt hoạt động của con người và tác động sâu sắc đối ngành thương mại điện tử và thúc đẩy sự tăng tốc và phân hóa mạnh, cũng như phân khúc thị trường béo bở và đầy thách thức này. Bên cạnh đó tính toàn vẹn dữ liệu và tính an ninh là các vấn đề rất nóng gây bức xúc trong thương mại điện tử toàn cầu hiện nay.

Theo Nguyễn Hoài Anh, Ao Thu Hoài (2010): Thương mại điện tử là sự mua bán sản phẩm hay dịch vụ trên các hệ thống điện tử như Internet và các mạng máy tính. Thương mại điện tử dựa trên một số công nghệ như chuyển tiền điện tử, quản lý chuỗi dây chuyền cung ứng, tiếp thị Internet, quá trình giao dịch trực tuyến, trao đổi dữ liệu điện tử (EDI), các hệ thống quản lý hàng tồn kho, và các hệ thống tự động thu thập dữ liệu. Thương mại điện tử hiện đại thường sử dụng mạng World Wide Web là một điểm ít nhất phải có trong chu trình giao dịch, mặc dù nó có thể bao gồm một phạm vi lớn hơn về mặt công nghệ như email, các thiết bị di động như là điện thoại.

Trong các trường đại học ở Việt nam, ngành Thương mại Điện tử (TMĐT) là ngành mới có 2 đặc trưng rất rõ: Đó là ngành đào tạo thể hiện sự giao thoa của ngành CNTT (Thiết kế phần mềm, Web, quản trị hệ thống mạng) và Quản trị Marketing (quảng cáo, tiếp thị, bán lẻ trực tuyến, trao đổi dữ liệu giữa các doanh nghiệp). Vì thế các nhà quản trị đại học cũng như giảng viên vẫn còn loay hoay tìm cho mình hướng dạy học giúp sinh viên ngành Thương mại Điện tử theo kịp tốc độ phát triển như vũ bão của công nghệ số và yêu cầu khắt khe của thị trường lao động ngành này. Trong khi đó sự ra đời và phát triển mạnh mẽ các tập đoàn, công ty kinh doanh sử dụng thương mại điện tử trên thế giới và cả ở Việt Nam thay đổi từng ngày đến chóng mặt như: Amazon.com, Ebay, Walmart, Alibaba, Target.com, Bestbuy.com, Flipkart.com, Costco, Etsy, IKEA; cũng như các trang web thương mại điện tử lớn ở Việt Nam hiện nay như: Shopee, Tiki, Lazada, Thế giới di động, Sendo, FPT Shop, Điện máy xanh, A Đây rồi, CellphoneS, Vật giá. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức đối với vấn đề đào tạo nhân lực Thương mại Điện tử ở các trường đại học trong đó có trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh.

Việc nghiên cứu, khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của SV ngành TMĐT Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh để làm cơ sở thực tiễn đề xuất các biện pháp phát triển kỹ năng tự học cho SV ngành này một cách hiệu quả, đáp ứng thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0.

## **2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KỸ NĂNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN**

### **2.1. Khái niệm tự học và kỹ năng tự học**

Ở Việt Nam, có nhiều quan niệm khác nhau về tự học, ngoài khái niệm tự học của Đặng Thành Hưng, còn có quan niệm tự học của Nguyễn Cảnh Toàn (2001) “Tự học là tự mình động não, suy nghĩ, sử dụng các năng lực trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp) và có khi cả cơ bắp (khi phải sử dụng công cụ) cùng các phẩm chất của mình, rồi cả động cơ, tình cảm, cả nhân sinh quan, thế giới quan (như trung thực, khách quan có trí tiến thủ không ngại khó) để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó thành sở hữu của mình”. Lưu Xuân Mối (2000) cho rằng: “Tự học là hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng do chính sinh viên (SV) tiến hành trên lớp hoặc ở ngoài lớp theo hoặc không theo chương trình và sách giáo khoa đã được quy định”.

Một góc nhìn khác của Ferlazzo (2013) về Tự học: Chiến lược giảng dạy về động lực của sinh viên. Ông đề cao vấn đề sử dụng các phương pháp dạy học cũng như vấn đề chiến lược dạy học của giảng viên là yếu tố cơ bản hình thành động cơ học tập đúng đắn cho sinh viên. Khi có động cơ tốt trong học tập thì việc tự học và có được các kỹ năng tự học sẽ hiệu quả hơn.

Hollins (2018) với tác phẩm “Khoa học của sự tự học” đi sâu tìm hiểu việc tổ chức tự học và vai trò to lớn của tự học đối với sự phát triển cá nhân. Theo ông tự học cần được nghiên cứu một cách logic, hệ thống. Việc tự học cũng cần thiết kế theo một chu trình với các thành tố, yếu tố có quan hệ biện chứng và hỗ trợ nhau thì tự học mới phát huy hết sức mạnh bên trong của nó.

Tự học là một hình thức tổ chức dạy học cơ bản ở đại học có tính độc lập cao và mang đậm nét sắc thái cá nhân có quan hệ chặt chẽ với quá trình dạy học. Để tự học đạt kết quả thì người học phải có kỹ năng tự học. Từ điển *Từ và Ngữ Việt Nam* của Nguyễn Lâm (2000) cho rằng, kỹ năng là “khả năng ứng dụng tri thức khoa học vào thực tiễn”. Nguyễn Thanh Thúy (2016) cho rằng: Kỹ năng tự học là phương thức thể hiện hành động tự học thích hợp, tương ứng với mục đích và những điều kiện hoạt động, hình thành kỹ xảo đúng trong hoạt động tự học đảm bảo cho hoạt động tự học của SV đạt được kết quả.

Như vậy, các tác giả trong và ngoài nước vẫn tập trung tìm hiểu về tự học, kỹ năng tự học của sinh viên ở một số tiêu chí: Động cơ, thái độ tự học; vai trò, ý nghĩa của tự học; việc dạy học của giảng viên đối với hình thành tự học và kỹ năng tự học của sinh viên; cách tổ chức tự học và hình thành kỹ năng tự học như thế nào cho hiệu quả.

Dù dưới góc nhìn nào thì các công trình nghiên cứu về tự học và kỹ năng tự học đều cho rằng việc tự học rất quan trọng đối với sinh viên, giúp sinh viên nâng cao khả năng học tập của mình và phát triển khả năng học tập suốt đời. Tuy nhiên để việc tự học đạt hiệu quả thì sinh viên cần phải được trang bị những kỹ năng học tập cần thiết và được tổ chức khoa học trong môi trường học tập và môi trường giáo dục phù hợp.

### 2.2. Phát triển kỹ năng tự học của SV

Dựa vào cơ sở lý thuyết đã được đề cập ở trên, đồng thời tham khảo các công trình nghiên cứu trước đó của các tác giả Goroxepxki & Lubixowra (1987) với công trình nghiên cứu “Tổ chức công việc tự học của sinh viên đại học” và Bhat (2007), nghiên cứu cho thấy đối với nhóm đối tượng sinh viên giỏi, việc tự học giúp cho sinh viên nắm vững kiến thức, hứng thú với việc học và có thành tích cao hơn. Tuy nhiên đối với nhóm sinh viên còn lại, việc tự học không giúp nhiều trong việc cải thiện kết quả học tập do thiếu các kỹ năng cần thiết như kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng ghi nhớ.

Rimma Sagitova (2014) đã cho rằng để phát triển kỹ năng tự học của sinh viên thì chương trình học cần được xây dựng các môn học tự chọn theo ba nhóm. Nhóm một giúp sinh viên phát triển khả năng nhận thức nhu cầu học tập, xác định được hoạt động phù hợp cho việc tự học và xây dựng được kế hoạch tự học. Nhóm hai giúp sinh viên phát triển kỹ năng tìm kiếm, thu thập, lựa chọn, xử lý thông tin phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu. Nhóm ba bao gồm các kỹ năng như truyền đạt lại thông tin, so sánh, phân loại, tổng hợp, phân tích thông tin.

### 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của SV

Nhóm nghiên cứu đã kế thừa công trình nghiên cứu của các tác giả Trần Thị Tuyết Oanh, Phạm Khắc Chương, Bùi Minh Hiền (2009), Nguyễn Thị Thế Bình (2011), Phạm Xuân Vũ (2015), Dương Thị Kim Oanh (2013), cùng với góc nhìn quan sát của nhóm tác giả trong quá trình công tác giảng dạy tại các trường Đại học, nhóm tác giả tập trung nghiên cứu vào các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của sinh viên, Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh bao gồm:

**(1) Yếu tố thuộc về đội ngũ giảng viên:** Người giảng viên đại học có ảnh hưởng to lớn tới quá trình phát triển kỹ năng tự học của sinh viên như: Thói quen tự học; Thúc đẩy đam mê chủ động học, thúc đẩy ý thức tự học; Phát triển kỹ năng thiết kế và đạt được các mục tiêu học tập đề ra một cách hiệu quả hơn. (Lê Trọng Tuấn, 2016)

**(2) Yếu tố cơ sở vật chất thiết bị phục vụ dạy học:** Hệ thống các phòng học lý thuyết; Hệ thống các phòng học thực hành, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành; Mạng internet và wifi; Văn hóa nhà trường; Đặc biệt yếu tố “thư viện và nguồn tài liệu số hóa” đóng vai trò cực kỳ quan trọng để phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên nói chung và sinh viên thương mại điện tử nói riêng (Phạm Văn Tuấn, 2015).

**(3) Chương trình đào tạo:** Chương trình đào tạo có vai trò định hướng quá trình học tập, rèn luyện và phát triển nghề nghiệp cũng như bản thân cho sinh viên. Giúp sinh viên chủ động cho việc học tập của mình. Do vậy nếu quá trình xây dựng chương trình đào tạo không kỹ lưỡng, không phù hợp với chất lượng đầu vào và yêu cầu của đầu ra mà xã hội mong đợi thì chất lượng nguồn nhân lực thấp. Chương trình đào tạo tốt là chương trình ở đó sinh viên nhận diện chính xác mình cần phải học những gì, học như thế nào, có thuận lợi và khó khăn ra sao. Từ đó sinh viên sẽ có nhiều động lực tìm tòi và tìm kiếm những kỹ năng phù hợp với yêu cầu của chương trình đó (Phạm Văn Tuấn, 2015).

**(4) Văn hóa nhà trường (VHNT):** VHNT là hệ thống những giá trị vật chất và tinh thần tồn tại trong nhà trường, làm cho nhà trường có những nét riêng biệt, khác biệt để phân biệt nhà trường này với nhà trường khác. Nó bao gồm từ bầu không khí nhà trường, các giá trị tồn tại trong các hoạt động giảng dạy, giáo dục, môi trường cảnh quan, cơ sở vật chất đến niềm tin, sự kì vọng của từng cá nhân (Vũ Thị Quỳnh, 2018).

Nghiên cứu của Philips và Wagner (2003), đã đưa ra đặc điểm của VHNT và quá trình đánh giá VHNT (School culture assessment): Nhà trường có một nền văn hóa tích cực, lành mạnh là yếu tố giáo dục toàn diện sinh viên và các trường cần có một công cụ cần thiết để phát triển và đánh giá nền văn hóa nhà trường. Nhà trường cũng phải chịu trách nhiệm về đánh giá chất lượng văn hóa của họ. Sức mạnh của nền văn hóa lành mạnh, tích cực sẽ dẫn nhà trường đi đến thành công. Thành tích học tập của sinh viên sẽ được nâng lên, hành vi của sinh viên được cải thiện thông qua chuyển đổi văn hóa.

#### (5) Yếu tố thuộc về bản thân sinh viên gồm:

**Động cơ học tập của sinh viên:** Động cơ học tập có vai trò rất quan trọng nó là động lực và kim chỉ nam cho hoạt động học và phát triển các kỹ năng tự học của sinh viên. Động cơ học tập không có sẵn hay tự phát, mà được hình thành dần dần trong quá trình học tập của sinh viên dưới sự tổ chức, hướng dẫn của giảng viên. Nghiên cứu của Dương Thị Kim Oanh (2013) cho rằng, động cơ là yếu tố tâm lý phản ánh đối tượng có khả năng thỏa mãn nhu cầu của chủ thể, định hướng, thúc đẩy và duy trì hoạt động của chủ thể nhằm chiếm lĩnh đối tượng đó.

**Tính tự giác của sinh viên:** “Tính tự giác được thể hiện ở chỗ người học ý thức đầy đủ về mục đích, nhiệm vụ học tập, nghiên cứu qua đó nỗ lực nắm vững tri thức trong quá trình lĩnh hội” (Trần Thị Tuyết Oanh, Phạm Khắc Chương, Bùi Minh Hiền, 2009).

**Quá trình hình thành thái độ học tập:** “Hình thành, phát triển và rèn luyện hệ thống kỹ năng tự học cho học sinh đòi hỏi một quá trình lâu dài, kiên trì, thường xuyên. Trong đó, giáo viên phải là người tổ chức, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra học sinh tự học; học sinh phải chủ động, tích cực, tự giác và kiên trì luyện tập. Chỉ khi nào “tự học” trở thành thói quen và niềm đam mê của học sinh thì việc tự học mới đem lại hiệu quả thực sự” (Nguyễn Thị Thế Bình, 2011).

**Trình độ ngoại ngữ:** Trình độ ngoại ngữ tốt, giúp sinh viên tiếp cận được dễ dàng với các tài liệu, giáo trình, tri thức bằng tiếng nước ngoài bên cạnh đó mở rộng cơ hội giao lưu học tập với các sinh viên ngoại quốc tiếp thu được kiến thức của bạn bè quốc tế đặc biệt là Tiếng Anh là cơ hội và lợi thế đối với sinh viên chuyên ngành Thương mại điện tử trong việc tiếp cận với nền công nghiệp 4.0 (Chương trình đào tạo ngành TMDT 8/2020).

**Các kỹ năng mềm:** Kỹ năng mềm là khái niệm để chỉ khả năng giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian, vượt qua khủng hoảng, khả năng lãnh đạo, sáng tạo, đổi mới, khả năng thích ứng với môi trường sống, môi trường làm việc, học tập, đó là những yếu tố quyết định thành công bên cạnh kiến thức chuyên môn. Đây là một kỹ năng đóng vai trò rất quan trọng cho người học sau khi ra trường, chính thức công tác tại các cơ quan, tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội (Phạm Xuân Vũ, 2015).

### 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

*Phương pháp trao đổi, trò chuyện theo chủ đề*

- **Mục đích:** Chính xác hóa thêm số liệu điều tra mà trong các câu hỏi điều tra không thể hiện hết được.

- **Khách thể trao đổi:** Sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý khoa, doanh nghiệp, chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu.

- **Nội dung trao đổi:** Tập trung vào kỹ năng tự học và những yếu tố tác động đến kỹ năng tự học dựa trên chuẩn đầu ra và yêu cầu của các doanh nghiệp sử dụng nhân lực TMDT trong thời kỳ cách mạng 4.0.

*Phương pháp quan sát, phỏng vấn*

- **Mục đích:**

Nhằm thu thập thêm những thông tin sâu về các nội dung nghiên cứu mà phương pháp điều tra chưa rõ, thông qua dự giờ giảng viên; quan sát việc học tập trên lớp, hoạt động ngoại khóa ngoài lớp, ngoài trường của sinh viên.

- **Khách thể quan sát:** Sinh viên TMDT năm nhất và năm 4, giảng viên dạy TMDT, cán bộ quản lý khoa,

- **Nội dung quan sát:** Tập trung vào: Vai trò người giảng viên đối với sự phát triển kỹ năng tự học; yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kỹ năng tự học của sinh viên TMDT; iện pháp phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên TMDT.

Quan sát thông qua dự giờ tập trung vào: Thái độ, ý thức, thực trạng của các kỹ năng tự học trên lớp chủ yếu: Ghi chép, phản biện, giao tiếp và làm việc nhóm, sử dụng công nghệ trong học tập, tư duy sáng tạo, đổi mới PPDH của giảng viên, việc chọn và giao nội dung tự học, cách kiểm tra đánh giá việc tự học của sinh viên ở giảng viên, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy học trên lớp của nhà trường.

*Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi*

**Mục đích:** thu thập thông tin và đánh giá được thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của sinh viên, tìm ra biện pháp phát triển kỹ năng tự học của sinh viên trong thời kỳ công nghiệp 4.0 mang tính cần thiết và khả thi cao.

**Khách thể khảo sát:** 20 giảng viên dạy các môn ngành TMĐT thuộc 2 khoa Thương Mại - Du lịch và Công nghệ thông tin; 8 cán bộ quản lý (3 CB thuộc khoa TM-DL; 3 CB thuộc khoa CNTT; 2 CB Thư viện); 80 sinh viên hệ đại học năm nhất ngành TMĐT (K16); 80 sinh viên hệ đại học năm 4 ngành TMĐT (K13)

**Nội dung khảo sát và cách thức xử lý số liệu:** Đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố tới sự phát triển kỹ năng tự học theo tiêu chí mức độ phù hợp có 3 mức (thường xuyên/ phù hợp, thỉnh thoảng/ít phù hợp và không bao giờ/ không phù hợp), mức độ ảnh hưởng 4 mức (Rất ảnh hưởng/tốt, ảnh hưởng/khá, ít ảnh hưởng/trung bình và không bao giờ/yếu). Các biện pháp đề xuất phát triển kỹ năng tự học được khảo nghiệm tính cần thiết và khả thi của từng nhóm biện pháp theo 4 mức (Rất cần thiết/ rất khả thi, cần thiết/ khả thi, ít cần thiết/ ít khả thi, không cần thiết/ không khả thi). Sau đó tính điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC) theo quy ước thang 3 bậc: điểm cao nhất 3 điểm, thấp nhất 1 điểm; thang 4 bậc: điểm cao nhất 4 điểm, thấp nhất 1 điểm.

#### 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phát triển kỹ năng tự học của sinh viên là một quá trình thường xuyên, liên tục và mang tính hệ thống. Do vậy trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy có rất nhiều yếu tố tác động, ảnh hưởng tới quá trình phát triển kỹ năng tự học của sinh viên.

##### 4.1. Đội ngũ giảng viên

Chất lượng đội ngũ giảng viên là nhân tố rất quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển kỹ năng tự học của sinh viên. Trong khi đó để có được một người Thầy đủ tâm, tài, tầm giảng dạy và đồng hành cùng các em cũng là bài toán nan giải với các trường đại học hiện nay. Để tìm hiểu mức độ ảnh hưởng của giảng viên đến sự phát triển kỹ năng tự học của sinh viên TMĐT, chúng tôi đã khảo sát và thu được kết quả sau:

Bảng 1: Ảnh hưởng của giảng viên tới sự phát triển kỹ năng tự học của sinh viên TMĐT

STT	Nội dung	Sinh viên năm nhất		Sinh viên năm 4	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Nhận thức của giảng viên về tầm quan trọng của KN tự học đối với sự phát triển nghề nghiệp	3.77	0.42	3.86	0.34
2	Giảng viên đánh giá chính xác về trình độ ban đầu của sinh viên TMĐT	3.81	0.39	3.91	0.28
3	Phương pháp giảng viên chọn bài tập và nội dung tự học cho sinh viên TMĐT	3.87	0.33	3.95	0.21
4	Phương pháp giảng dạy và tổ chức hoạt động tự học cho sinh viên của giảng viên	3.57	0.70	3.78	0.41
5	Trình độ công nghệ và ứng dụng CNTT trong dạy học của giảng viên	2.85	0.99	3.81	0.39
6	Kỹ năng giao tiếp và sự khéo léo trong đối xử với sinh viên	3.42	0.74	3.82	0.38
7	Phương pháp kiểm tra, đánh giá sinh viên của giảng viên	3.56	0.49	3.9	0.30

Từ bảng số liệu 1 cho thấy giảng viên là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển kỹ năng tự học của sinh viên TMĐT. Trong đó giảng viên đánh giá chính xác trình độ ban đầu của sinh viên TMĐT; Phương pháp giảng viên chọn bài tập và nội dung tự học cho sinh viên TMĐT; Phương pháp kiểm tra, đánh giá sinh viên của giảng viên ảnh hưởng nhiều nhất (ĐTB: 3.90 - 3.95). Thực tế phương pháp giảng dạy và tổ chức hoạt động tự học cho sinh viên của giảng viên; trình độ ứng dụng công nghệ trong dạy học và tự học cũng như sự khéo léo trong đối xử với sinh viên được giảng viên thực hiện thường xuyên và mức độ ảnh hưởng nhiều.

Đối với sinh viên năm 4 sự ảnh hưởng bởi sự sát sao, sự đánh giá chính xác về các em, trình độ công nghệ của giảng viên, việc hướng dẫn tỷ mỉ, chu đáo các nội dung tự học càng có ảnh hưởng tới chất lượng và tốc độ phát triển kỹ năng tự học của các em nhiều hơn. Kết quả nghiên cứu trong bảng 1 cũng khá tương

đồng với nghiên cứu của Phạm Văn Tuấn (2015).

#### 4.2. Về chương trình đào tạo

Trong bối cảnh hội nhập cách mạng 4.0 và thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đại học ở Việt Nam. Chương trình đào tạo cũng là nốt thắt các trường đại học đang tháo gỡ. Các chuẩn về chương trình đào tạo của chúng ta từng bước thay đổi theo chuẩn chung trong khu vực và thế giới. Điều này đã làm thay đổi chất lượng giáo dục đại học Việt Nam nói chung và trường ĐH Công nghiệp TP Hồ Chí Minh nói riêng. Muốn đánh giá được mức độ ảnh hưởng của chương trình đào tạo cần phải đánh giá mức độ phù hợp của chương trình như thế nào theo nhận thức của sinh viên? Kết quả nghiên cứu thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2: Sự phù hợp và mức độ ảnh hưởng của chương trình đào tạo ngành TMĐT đến kỹ năng tự học

TT	NỘI DUNG	SV năm nhất				SV năm 4			
		ĐTB sự phù hợp	ĐCL	ĐTB sự ảnh hưởng	ĐCL	ĐTB sự phù hợp	ĐCL	ĐTB sự ảnh hưởng	ĐCL
1	Chuẩn đầu ra ngành	3	0	3.75	0.43	3	0	3.95	0.31
2	Tổng số tín chỉ, số môn học theo từng năm và cả khóa	2.81	0.39	3.93	0.24	2.65	0.47	4	0
3	Sự cân đối giữa môn chung, môn cơ sở ngành, môn chuyên ngành	2.85	0.35	4	0	2.5	0.79	4	0
4	Mức độ giữa Lý thuyết và thực hành	2.85	0.35	3.88	0.31	2.63	0.48	3.96	0.19
5	Hình thức thi, PP đánh giá các môn học trong quá trình đào tạo	2.93	0.24	3.62	0.78	2.48	0.69	3.93	0.24
6	Đáp ứng yêu cầu xã hội	3	0	4	0	3	0	4	0

Bảng 2 cho nhận xét: nếu chương trình đào tạo ngành TMĐT có chuẩn đầu ra phù hợp với yêu cầu xã hội, ít lý thuyết, tăng thực hành, cân đối giữa các môn học chung và chuyên ngành... có ảnh hưởng rất lớn tới việc phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên TMĐT (ĐTB: 3.62 - 4.0).

#### 4.3. Cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường

Trong thời kỳ cách mạng 4.0, công nghệ và nền tảng của công nghệ quyết định rất lớn tới sự phát triển kinh tế xã hội, trong đó giáo dục đại học không nằm ngoài lề. Đây là vấn đề liên quan đến rất nhiều chi phí tài chính của nhà trường. Dù khó khăn nhưng các trường đại học luôn tìm mọi cách tháo gỡ. Tìm hiểu nhận thức của sinh viên về chất lượng và ảnh hưởng của cơ sở vật chất, thiết bị đối với sự phát triển kỹ năng tự học của sinh viên TMĐT trong mẫu khảo sát đã cho kết quả 100% sinh viên đều đánh giá cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường rất ảnh hưởng đến sự phát triển kỹ năng tự học của sinh viên.

Bảng 3. Ảnh hưởng của cơ sở vật chất, thiết bị trong trường tới sự phát triển kỹ năng tự học của sinh viên TMĐT

TT	NỘI DUNG	SV năm nhất				SV năm 4			
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Phòng học lý thuyết	3.87	0.33	4	0	2.00	3.71	4	0
2	Phòng học thực hành	3.68	0.46	4	0	3.25	0.84	4	0
3	Thư viện	4	0	4	0	4	0	4	0
4	Giáo trình tài liệu tham khảo	3.62	0.70	4	0	3.93	0.24	4	0
5	Kết nối Internet, tốc độ truyền, Wifi	2.26	1.12	4	0	2.05	1.11	4	0

Trường ĐHCN TP Hồ Chí Minh luôn chú trọng đến cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động đào tạo, vì vậy cơ sở vật chất của nhà trường đã đáp ứng khá tốt nhu cầu của người học và rất ảnh hưởng

tới phát triển kỹ năng tự học của sinh viên TMĐT. Chỉ có internet và tốc độ đường truyền Wifi là sinh viên, giảng viên đánh giá chất lượng mức độ trung bình (**ĐTB: 2.26-2.05**), còn lại nhìn chung cơ sở vật chất của trường ĐH Công nghiệp phục vụ cho việc học, thực hành... đều đạt mức tốt và rất ảnh hưởng tới phát triển kỹ năng tự học của sinh viên TMĐT (**ĐTB: 4.00**). Vì vậy, nếu nhà trường nâng cao chất lượng internet và tốc độ đường truyền của Wifi nhanh hơn, cũng như độ phủ rộng Wifi ở mọi nơi trong trường sẽ giúp sinh viên có điều kiện học tập tốt hơn.

#### 4.4. Văn hóa nhà trường

Văn hóa nhà trường là một trong những yếu tố ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển các thành viên trong một tổ chức. Xây dựng văn hóa tổ chức hay văn hóa nhà trường là khá khó khăn. Đòi hỏi người đứng đầu tổ chức và mỗi thành viên của tổ chức đó phải nhìn nhận về tầm quan trọng của nó, sức ảnh hưởng cũng như quá trình xây dựng như thế nào? Bằng cách nào? Chúng tôi khảo sát mức độ ảnh hưởng của văn hóa nhà trường và kết quả thể hiện ở bảng 4:

Bảng 4. Ảnh hưởng của văn hóa nhà trường tới sự phát triển kỹ năng tự học của sinh viên TMĐT

STT	Nội dung	Sinh viên năm nhất		Sinh viên năm 4	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Chính sách, thể chế liên quan tới xây dựng văn hóa học đường	4	0	4	0
2	Bầu không khí tập thể	4	0	4	0
3	Quan hệ Thầy Cô với sinh viên và các tổ chức khác trong trường	3.68	0.58	3.86	0.34
4	Hoạt động tập thể, ngoại khóa của đoàn khoa, trường	3.55	0.74	3.9	0.30
5	Cán bộ quản lý Khoa, trường	4	0	4	0

Bảng 4 cho thấy: Văn hóa nhà trường nhìn chung được sinh viên đánh giá loại tốt từ chính sách văn hóa đến các mối quan hệ trong trường (**ĐTB: 3.30 – 3.85**). Điều đó cũng có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển kỹ năng tự học nói riêng và phát triển nhân cách sinh viên nói chung (**ĐTB: 3.55-4.00**) ở cả sinh viên năm nhất và sinh viên năm 4.

Đánh giá sự ảnh hưởng của văn hóa nhà trường qua độ lệch chuẩn cho thấy đây là vấn đề được tất cả sinh viên năm nhất đến năm 4 đều quan tâm và thấy rõ sức ảnh hưởng của nó đến việc phát triển kỹ năng tự học của các em.

#### 4.5. Về sinh viên ngành TMĐT

Bản thân sinh viên ngành TMĐT mới là yếu tố quyết định trực tiếp sự đa dạng, chất lượng, tốc độ của kỹ năng tự học của chính sinh viên. Vì vậy, chúng tôi khảo sát một số tiêu chí thuộc về bản thân sinh viên. Kết quả thể hiện ở bảng 5:

Bảng 5. Ảnh hưởng của các yếu tố thuộc về bản thân sinh viên đến sự phát triển kỹ năng tự học

STT	Nội dung	Sinh viên năm nhất		Sinh viên năm 4	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Động cơ học tập của SV	3.58	0.49	3.83	0.37
2	Tính tự giác, tích cực trong học tập	3.72	0.44	3.85	0.35
3	Thái độ đối với học tập	3.66	0.47	3.88	0.31
4	Trình độ ngoại ngữ	3.9	0.30	3.96	0.19
5	Kỹ năng mềm	3.86	0.34	3.90	0.30
6	Yếu tố khác....	3.25	1.01	3.70	0.46

Từ kết quả bảng 5 cho nhận xét: Sinh viên năm nhất đánh giá về động cơ, thái độ học tập; kỹ năng mềm của mình ở mức độ khá. Riêng trình độ ngoại ngữ đánh giá mức trung bình (**ĐTB: 2.48**). Sinh viên năm 4 tự đánh giá bản thân rất tích cực đa số là khá giỏi (**ĐTB: 3.05-3.51**).

Tất cả sinh viên năm nhất và năm 4 đều cho rằng chính các khả năng của bản thân đều rất ảnh hưởng tới sự phát triển kỹ năng tự học của mình (**ĐTB: 3.58-3.90**).

Độ lệch chuẩn ở bảng 5 còn cho thấy sinh viên năm 4 khá ổn định khi xác nhận sự ảnh hưởng to lớn của

động cơ học tập đúng đắn, thái độ học tập tốt, trình độ ngoại ngữ cao có ý nghĩa to lớn đối với việc phát triển kỹ năng tự học ở sinh viên trong thời kỳ hội nhập cách mạng 4.0. Điều này đã tạo nên sự khác biệt rõ nét ở sinh viên năm nhất và sinh viên năm 4.

## 5. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tự học của sinh viên ngành TMĐT trường ĐH Công nghiệp TP Hồ Chí Minh có thể kết luận: Việc phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên ngành TMĐT tại trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh bị chi phối bởi rất nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Có 5 yếu tố chính: Yếu tố thuộc về giảng viên, cán bộ quản lý; Yếu tố sinh viên; Yếu tố cơ sở vật chất và công nghệ; Yếu tố chương trình đào tạo và văn hóa nhà trường, đều có ảnh hưởng rất lớn tới việc phát triển kỹ năng tự học của sinh viên TMĐT. Tuy còn vài hạn chế nhỏ, nhưng đã thể hiện được mối quan hệ biện chứng, tác động lẫn nhau, hỗ trợ nhau tạo nên một môi trường đào tạo phù hợp với mong đợi của xã hội trong thời kỳ 4.0 hiện nay.

Để phát triển kỹ năng tự học của sinh viên ngành TMĐT trường ĐH Công nghiệp TP Hồ Chí Minh, chúng tôi đã đề xuất 1 số biện pháp và tiến hành khảo nghiệm tính cần thiết, khả thi của các biện pháp trên mẫu khách thể gồm 8 CBQL và 20 giảng viên, kết quả như sau:

**Biện pháp 1:** Nâng cao nhận thức, thái độ đối với việc phát triển kỹ năng tự học mức độ cần thiết có ĐTB là 3,95 và khả thi có ĐTB là 3,04. 100% giảng viên, cán bộ quản lý ở khoa TMDL, khoa CNTT và cán bộ thư viện đều đồng ý biện pháp nâng cao nhận thức và thái độ đối với phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên TMĐT là rất cần thiết. Ví dụ: Thường xuyên tổ chức cho sinh viên TMĐT tham gia các hoạt động, hội thảo về tự học, kỹ năng tự học; Đưa nội dung hoạt động tự học của sinh viên vào nội dung hoạt động của tổ chức Đảng, Đoàn, tổ chuyên môn ... với ĐTB cần thiết là: 3,95 và khả thi ĐTB: 3,04

**Biện pháp 2:** Phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên TMĐT thông qua việc phát triển chương trình đào tạo và đổi mới phương pháp dạy học với mức độ cần thiết ĐTB: 3,97 và khả thi ĐTB: 3,38. Kết quả khảo sát, 97% giảng viên, cán bộ quản lý ở khoa TMDL, khoa CNTT và cán bộ thư viện đều nhất trí biện pháp phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên TMĐT thông qua phát triển chương trình đào tạo và đổi mới PPDH theo hướng tăng cường dạy tự học cho sinh viên là rất cần thiết và có khả thi. Trong đó: Coi trọng việc thay đổi, điều chỉnh chương trình đào tạo theo năm cho phù hợp với xu thế và nhu cầu XH; Coi trọng và thường xuyên hướng dẫn các kỹ năng tự học trên lớp cho sinh viên; Quan tâm và thường xuyên tạo cơ hội cho sinh viên trình bày ý tưởng mới của mình trong quá trình tự học, phát triển kỹ năng tự học và nhân cách và tháo gỡ khó khăn trong tự học nhất trí tuyệt đối mức độ cần thiết có ĐTB: 3,97.

Tuy nhiên, khảo sát và đánh giá khái quát các yêu cầu và tiêu chí về năng lực, kỹ năng, thái độ các doanh nghiệp tuyển dụng sinh viên TMĐT; Các chính sách về khen thưởng, tài chính cho người xây dựng và đánh giá chương trình đào tạo thỏa đáng còn chưa được đánh giá cao về tính khả thi với ĐTB là 3,38.

**Biện pháp 3:** Phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên qua việc tổ chức tự học trên lớp và ngoài lớp có ĐTB về tính cần thiết là 3,95 và tính khả thi là 3,0. Phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên qua việc tự học trên lớp và ngoài lớp là rất cần thiết và có khả thi. Trong đó cần tập trung: Thiết lập mục tiêu cụ thể cho việc tự học trên lớp và ngoài lớp; Lập kế hoạch cụ thể, khoa học, có tính khả thi ứng với từng mục tiêu tự học đã đặt ra; Thường xuyên tổ chức tiết thảo luận nhóm, xêmina, bài báo, ... nâng cao kỹ năng tự học cho sinh viên và hướng dẫn sinh viên sử dụng kiến thức được học trên lớp để sử dụng như thế nào khi ra ngoài lớp, ngoài trường thật hiệu quả.

**Biện pháp 4:** Phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên qua hoạt động trải nghiệm bên ngoài lớp, ngoài trường Có mức độ cần thiết với ĐTB : 3,98 và khả thi: 2,73. Biện pháp này được cán bộ quản lý, giảng viên coi trọng và cho rằng biện pháp này rất cần thiết với ĐTB: 3.98, nhưng tính khả thi không cao khi ĐTB chung là 2,73. Điều này lý giải việc tổ chức và tự tổ chức các hoạt động trải nghiệm bên ngoài lớp, ngoài trường còn gặp nhiều khó khăn cần được tháo gỡ từ phía lãnh đạo trường, khoa cũng như sinh viên.

**Biện pháp 5:** Phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên qua đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ có ĐTB: về tính cần thiết là 3,97 và tính khả thi là 3,92. Biện pháp này đều được cán bộ giảng viên đánh giá tính rất cần thiết và khả thi khá cao. Đặc biệt: Nâng cấp đường truyền internet, Wifi; Phòng đọc rộng rãi, mát mẻ, sạch sẽ, máy tính tốt, hiện đại được đánh giá tính khả thi cao khi nhà trường đang từng bước thay đổi, sửa chữa để đáp ứng nhu cầu người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường.



Qua kết quả khảo nghiệm chúng tôi nhận định rằng các biện pháp mà chúng tôi đề xuất đều được giảng viên, cán bộ quản lý ở khoa TMDL, CNTT và Thư viện đánh giá ở mức rất cần thiết, tính khả thi có thấp hơn. Điều này là phù hợp với thực tiễn của trường ĐH Công nghiệp TP Hồ Chí Minh cũng như thực tiễn giáo dục đại học tại Việt Nam hiện nay. Vì vậy có thể áp dụng vào thực tế dạy học nhằm phát triển kỹ năng tự học cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập cách mạng 4.0 hiện nay.

**Lời cảm ơn:** Nhóm tác giả cảm ơn sự tài trợ của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh qua đề tài “Thực trạng và biện pháp phát triển kỹ năng tự học của sinh viên ngành Thương mại điện tử, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh”, mã số 20/1.4 TMDL01.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hoài Anh, Ao Thu Hoài (2010). Thương mại điện tử. Hà Nội: NXB Thông tin và Truyền thông.
2. Đinh Thị Hoa, Lê Hồng Phượng, Đinh Thành Công (2019). Tự học và một số yêu cầu về tự học của SV đáp ứng hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 10, tr 178-181.
3. Đặng Thành Hưng (2016). Bản chất và điều kiện của việc tự học. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 78, tr 4-7; 21.
4. Nguyễn Lâm (2000). Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam. NXB Thành phố Hồ Chí Minh, tr 980.
5. Nguyễn Hiến Lê (2020). Tự học để thành công. NXB Hồng Đức.
6. Lưu Xuân Mới (2000). Lí luận dạy học đại học. NXB Giáo dục.
7. Vũ Thị Quỳnh (2018), Phát triển văn hóa nhà trường cao đẳng sư phạm vùng Đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh đổi mới giáo dục (Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam).
8. Rubakin N. A (1982). Tự học như thế nào. Hà Nội: NXB Thanh niên.
9. Ngô Tứ Thành, Nguyễn Quốc Vũ (2019). Hướng dẫn tự học trong thời đại “Cấp độ công nghệ thứ 5” nhằm phát triển năng lực của sinh viên. Tạp chí Giáo dục số 465, tr 43-47.
10. Nguyễn Thanh Thủy (2016). Hình thành kỹ năng tự học cho sinh viên - Nhu cầu thiết yếu trong đào tạo ngành sư phạm. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đồng Nai, số 03, tr 10-16.
11. Nguyễn Cảnh Toàn (1999). Luận bàn và kinh nghiệm về tự học. Hà Nội: NXB Giáo dục.
12. Phạm Văn Tuấn (2015). Các yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực tự học của sinh viên trường đại học Trà Vinh, Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang Vol.5 Tr 106 – 112.
13. Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (2020). Chương trình đào tạo ngành thương mại điện tử, 26/8/2020.
14. Phillips, G., & Wagner, C. (2003). School culture assessment: A manual for assessing and transforming school-classroom cultures. Canada: Mitchel Press.
15. Bhat P.P., Rajashekar B., Kamath U. (2007). Perspectives on Self-Directed Learning — the Importance of Attitudes and Skills.
16. Bioscience Education Journal, Volume 10 - Issue 1.
17. Greveson G. C., Spencer J. A. (2005). Self-directed learning--the importance of concepts and contexts. Medicine Education Journal -DOI: 10.1111/j.1365-2929.2005.02115.x.
18. Hollins P. (2018). The Science of Self-Learning: How to Teach Yourself Anything, Learn More in Less Time, and Direct Your Own Education. Independently Published.

19. Jūratė K., Renata A. (2015). Students' attitude towards self-study: a case of college study programmes in social sciences. *Applied Research in Health and Social Sciences: Interface and Interaction*, Vol. 12, No. 1 - DOI: 10.1515/arhss-2015-0002.

20. Kandhro S. (2015). Impact of Group-Study and Self-Study on Learning Abilities of Students at the University Level. *Impact Factor 3.582 Case Studies Journal– Volume 4, Issue 2 - ISSN (2305-509X)*.

21. Sagitova R. (2014). Students' Self-education: Learning to Learn Across the Lifespan. *Procedia - Social and Behavioral Sciences Journal*, Volume 152, Pages 272-277.

*Ngày nhận bài: 24/03/2021*

*Ngày chấp nhận đăng: 23/06/2021*